

Số: 62/2023/QĐST-DS

G, ngày 15 tháng 6 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 6 tháng 6 năm 2023, văn bản thống nhất nội dung hoà giải của bà Tạ Thị L. Các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 50/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 04 năm 2023, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải, văn bản thống nhất nội dung hoà giải của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M). Địa chỉ trụ sở chính: Số M1 L1, P. T, Q. C, TP. Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông **Lê Hữu Đ** - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đại diện ủy quyền: **Công ty TNHH Q1- Ngân hàng TMCP Q. (M2)**. Địa chỉ trụ sở chính: Số B L2, P. L2, Q. B1, TP. Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông **Phạm Văn P** - Chức vụ: Tổng Giám đốc. (Theo Hợp đồng ủy quyền số 154/UQ.M-M2 ngày 18/03/2021). Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Văn P - Chức vụ: Tổng giám đốc - Công ty TNHH Q1 Ngân hàng TMCP Q. Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: ông Nguyễn Tuấn T1; ông Lỗ Chí anh Đ - Chuyên viên xử lý nợ Công ty TNHH Q1 Ngân hàng TMCP Q (giấy ủy quyền

lại tham gia tổ tụng số 2250/UQ-M2 ngày 6/04/2023).

Bị đơn:

1. Ông Tạ Tiến H, sinh năm 1983; HKTT: Khu H1, xã V, huyện L3, tỉnh Phú Thọ; Địa chỉ nơi cư trú: Số M1 đường C1, xã C1, huyện G, Tp Hà Nội.

2. Bà Trần Thị L, sinh năm 1987; Trú tại: Khu H1, xã V, huyện L3, tỉnh Phú Thọ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng TMCP Q (M) ký Hợp đồng tín dụng cho anh anh Tạ Tiến H và chị Trần Thị L theo Hợp đồng cho vay số 108280.21.051.11398436.TD, ngày 03/06/2021, khế ước nhận nợ LD2115500604, số tiền 1,612,249,814 đồng, thời hạn vay kể từ 5/6/2021 đến ngày 4/6/2053 (ngày đáo hạn), lãi suất cho vay là 11/3% tính đến 4/9/2021 thì điều chỉnh lãi suất tiếp theo, được xác định bằng lãi suất tham chiếu VND thời hạn khoản vay 12 tháng, biên độ lãi suất 4,5% năm. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển lãi quá hạn. Khế ước nhận nợ LD2124472128 với số tiền 230,321,402 đồng, thời hạn vay kể từ 2/9/2021 đến ngày 4/6/2053 (ngày đáo hạn), lãi suất cho vay là 11/3% tính đến 01/12/2021 thì điều chỉnh lãi suất tiếp theo, được xác định bằng lãi suất tham chiếu VND thời hạn khoản vay 12 tháng, biên độ lãi suất 4,5% năm. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển lãi quá hạn với mức lãi suất thả nổi, thời hạn vay đến 4/6/2053.

Tài sản để bảo đảm cho khoản vay là: Quyền phát sinh từ hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số S1.021817/VHSC/HDDMBCH ngày 22/04/2021 và các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng mua bán kèm ký giữa ông Tạ Tiến H và Công ty CP Đầu tư Xây dựng Th về việc mua bán Căn hộ số 1817 tại tầng 18 thuộc tòa nhà S1.02 (Z34M.2), tại lô đất F1-CH01, tại phường T2, quận N, Hà Nội diện tích sử dụng căn hộ là 54.9m², Diện tích sàn xây dựng căn hộ là 59.1m² thuộc dự án Khu đô thị mới T2 – V1 (V2). Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở số 108281.21.051.11398436.BĐ ngày 03/6/2021.

Tính đến 06/6/2023, ông Tạ Tiến H và bà Trần Thị L còn nợ tại Ngân hàng TMCP Q theo các Hợp đồng cho vay và các khế ước nhận nợ đã ký số tiền là **1,905.189.201** đồng, trong đó: Nợ gốc: 1,833,761,216 đồng; Nợ lãi: 71.428.985 đồng.

2.2. Sau khi có Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữ các đương sự của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông Tạ Tiến H và bà Trần Thị L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q (M) tổng số tiền **1,905.189.201** đồng, trong đó: Nợ gốc: 1,833,761,216 đồng; Nợ lãi: 71.428.985 đồng.

Ông Tạ Tiến H và bà Trần Thị L tiếp tục chịu lãi suất quá hạn trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kể từ ngày 07/6/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ tại Ngân hàng TMCP Q.

Hai bên thống nhất thỏa thuận không có yêu cầu xem xét đối với toàn bộ các khoản nợ gốc và nợ lãi đã thanh toán xong trước ngày 6/6/2023.

2.3. Trường hợp ông Tạ Tiến H và bà Trần Thị L không thanh toán đúng và đủ theo thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng TMCP Q có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q. Cụ thể tài sản đảm bảo gồm: Quyền phát sinh từ hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số S1.021817/VHSC/HDDMBCH ngày 22/04/2021 và các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng mua bán kèm ký giữa ông Tạ Tiến H và Công ty CP Đầu tư Xây dựng Th về việc mua bán Căn hộ số 1817 tại tầng 18 thuộc tòa nhà S1.02 (Z34M.2), tại lô đất F1-CH01, tại phường T2, quận N, Hà Nội diện tích sử dụng căn hộ là 54.9m², Diện tích sàn xây dựng căn hộ là 59.1m² thuộc dự án Khu đô thị mới T2 – V1 (V2). Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở số 108281.21.051.11398436.BĐ ngày 03/6/2021.

Sau khi phát mại tài sản để thu hồi nợ mà không đủ trả nợ cho ngân hàng M thì ông H và bà L tiếp tục chịu trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng M đến khi hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kèm theo đã ký với Ngân hàng.

3. Án phí: Ông Tạ Tiến H và bà Trần Thị L tự nguyện chịu 34.577.853 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 34.192.000 đồng, ngân hàng đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2020/0073924 ngày 24/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TANDTPHN;
- VKSNDTPHN;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi Cục Thi hành án DS. H. GL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thẩm phán

Vũ Quang Long